

Bản án số: 492/2024/DS-PT

Ngày: 23/9/2024

V/v tranh chấp: "QSD đất và tài sản gắn liền trên đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Tâm.

Các Thẩm phán:

- Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.
- Bà Nguyễn Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp "Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 269/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 83/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1954.

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1984. Địa chỉ: 1 L, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

* Bị đơn: Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1947.

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quang N1, sinh năm 1956. Địa Chỉ 461A, tổ B, khu phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1979; (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Anh **Trương Minh T**, sinh năm 1985;

3. Anh **Trương Minh S**, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trương Minh T và anh Trương Minh S:
Ông **Bùi Quang N1**, sinh năm 1956. Địa chỉ: A, tổ B, khu phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

4. Chị **Lê Thị K**, sinh năm 1986. (Xin vắng mặt)

5. Chị **Đỗ Ngọc Phương L1**, sinh năm 2003. (có mặt)

6. Bà **Nguyễn Thị L2**, sinh năm 1961 (Có mặt)

7. Anh **Đỗ Văn H1**, sinh năm 1973. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

8. Bà **Lương Thị T1**, sinh năm 1949. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: tổ B, ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

9. Ông **Lương Văn H2**, sinh năm 1958. (vắng mặt)

Địa chỉ: 194/19/32 B, tổ C, phường B, Quận B, Tp ..

10. Ông **Đỗ Văn C1**, sinh năm 1954. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: 3 ấp T, xã T, huyện H, TP .

* *Người kháng cáo:* bị đơn Đỗ Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

* *Nguyên đơn ông Đỗ Văn H, người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Cẩm N trình bày:*

Cha, mẹ ông Đỗ Văn H là cụ Đỗ Văn C2 (đã chết năm 1969) và cụ Lương Thị Đ (đã chết năm 1991). Hai cụ có 05 người con, gồm: bà Đỗ Thị L, bà Lương Thị T1, ông Lương Văn H2, ông Đỗ Văn H và ông Đỗ Văn C1. Lúc sinh thời, hai cụ có tạo lập phần đất khoảng 3.700m² tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cha, mẹ chết thì bà Đỗ Thị L kê khai đăng ký đứng tên toàn bộ phần đất và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1992.

Năm 1997, ông H về quản lý, sử dụng một phần của thửa đất để trồng cây ăn trái và cất nhà ở. Đến năm 2001, ông H xây dựng lại căn nhà khác cũng nằm trên phần đất này, sau đó năm 2014 thì sửa chữa lại kiên cố như hiện nay.

Năm 2003, bà L cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông H và bà L xảy ra tranh chấp.

Ngày 05/12/2004, tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, ông H với bà L đã thỏa thuận: Ông H có trách nhiệm trả khoản nợ cho Ngân hàng là 25.000.000 đồng và được nhận phần đất 1.830m². Việc thỏa thuận có lập biên bản hòa giải thành, ngay sau đó ông H đã trả xong khoản nợ của Ngân hàng và bà L cũng đã giao phần đất cho ông H quản lý sử dụng theo nội dung biên bản hòa giải thành từ đó cho đến nay, nhưng bà L không chịu lập thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông H đứng tên.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận cho ông Đỗ Văn H được quyền sử dụng 1.830m² (đo đạc thực tế 2.325,2m²) đất thuộc một phần thửa đất số 425, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo biên bản hòa giải ngày 05/12/2004 tại tổ A, ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

** Bị đơn bà Đỗ Thị L, người đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Quang N1 trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 425, tờ bản đồ số 27, diện tích 3.774,2m² tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang là của địa chủ cũ được hộ bà Đỗ Thị L khai phá và quản lý, sử dụng từ trước giải phóng. Năm 1992, hộ bà L kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 04/6/2007 thì cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay.

Ngày 05/12/2004, tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, ông H với bà L đã thỏa thuận: Ông H có trách nhiệm trả khoản nợ cho Ngân hàng C3 là 25.000.000 đồng và được nhận phần đất 1.830m² nhưng sau đó ông H không trả nợ cho Ngân hàng nên thỏa thuận này không thực hiện được.

Nay bà L không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và yêu cầu phản tố như sau: Yêu cầu ông Đỗ Văn H trả lại toàn bộ phần đất và nhà ở nằm trong thửa đất số 425, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/6/2007 cho bà L đứng tên.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Lương Thị T1, ông Lương Văn H2 và ông Đỗ Văn C1 trình bày:*

Các ông, bà là anh, chị em ruột của bà Đỗ Thị L và ông Đỗ Văn H. Xác định nguồn gốc thửa đất số 425, tờ bản đồ số 27, diện tích 3.774,2m² tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang hiện bà L đứng tên là của cha, mẹ (Cụ Đỗ Văn C2 (đã chết năm 1969) và cụ Lương Thị Đ (đã chết năm 1991)) để lại. Ngày 05/12/2004, bà L và ông Đỗ Văn H đã thỏa thuận chia đất và sử dụng đến nay nên đề nghị Tòa án công nhận cho bà L và ông H diện tích đất đang sử dụng, không có tranh chấp hay yêu cầu nào khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số 269/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 116, 117, 119, 120, 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H.

Công nhận cho ông Đỗ Văn H được quyền sử dụng phần đất có diện tích thực đo 2.325,2m² nằm trong thửa đất số 425, tờ bản đồ số 27, diện tích 3.744,2m², địa chỉ thửa đất tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vị trí phần đất như sau:

- + Phía Đông giáp đất bà Lương Thị T1;
- + Phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị B và đường bê tông;
- + Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị B + Trần Thị H3 + Nguyễn Thị L3;
- + Phía Bắc giáp thửa đất 425 phần còn lại của bà Đỗ Thị L.

2. Ông Đỗ Văn H được quyền đến Cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai để đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Buộc ông Đỗ Văn H có trách nhiệm hoàn trả cho bà Đỗ Thị L số tiền 147.074.400 đồng (Trị giá phần đất dư hơn thỏa thuận là 495,2m²)

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đỗ Thị L đòi ông Đỗ Văn H trả lại toàn bộ phần đất và căn nhà gắn liền trên đất nằm trong thửa đất số 425, tờ bản đồ số 27, diện tích 3.744,2m², địa chỉ thửa đất tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

* Ngày 10 tháng 10 năm 2023, bị đơn Đỗ Thị L kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Văn H và chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của bà.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Đỗ Văn H, người đại diện theo ủy quyền Nguyễn Thị Cẩm N và bị đơn Đỗ Thị L, người đại diện theo ủy quyền ông Bùi Quang N1 thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể ông Đỗ Văn H được quyền sử dụng diện tích 1.958,6m² và đồng ý giao trả lại cho bà Đỗ Thị L phần diện tích 366,6m², ông H không yêu cầu bà L hoàn trả giá trị cây trồng trên phần diện tích đất này. Ông H đồng ý hoàn trả giá trị diện tích chênh lệch 128,6m² cho bà Đỗ Thị L số tiền 98.764.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Đỗ Thị L thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập lợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[2.1] Hộ bà Đỗ Thị L được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10/8/1992 do bà L đại diện hộ đứng tên đối với thửa đất số 425, tờ bản đồ số 27, diện tích 3.744,2m² tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, đến ngày 04/6/2007 cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02970. Quá trình sử dụng đất, bà L và ông Đỗ Văn H (là em ruột của bà L) phát sinh tranh chấp nên ngày 05/12/2004 chính quyền ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang tổ chức hòa giải giữa bà L và ông H. Tại buổi hòa giải, bà Đỗ Thị L và ông Đỗ Văn H thỏa thuận thống nhất là: Phần đất thửa 425 chia đôi, phần nợ bà Đỗ Thị L vay Ngân hàng C3 thì ông Đỗ Văn H trả và ông H được ở căn nhà đang ở, đất xẻ dọc cách nhà ra 30cm (03 tấc) đo dọc ra sau đủ 1.830m². Sau khi thỏa thuận như trên, hộ bà Đỗ Thị L và ông Đỗ Văn H phân chia đất và quản lý, sử dụng trồng cây ăn trái, cất nhà ở kiên cố trên đất cho đến nay, ông H đã trả

tiền cho Ngân hàng C3 và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về để lập thủ tục chuyển quyền sử dụng đất nhưng chưa thực hiện được do bà L không đồng ý.

[2.2] Bản án sơ thẩm nhận định: việc thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất giữa bà Đỗ Thị L với ông Đỗ Văn H không có lập thành văn bản cụ thể nhưng được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 05/12/2004 của ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, nội dung thỏa thuận này là sự tự nguyện giữa bà L với ông H, không trái với quy định của pháp luật, đồng thời các đồng thừa kế khác cũng như thành viên trong hộ cũng không có ai phản đối và sau khi thỏa thuận, hai bên đã tự cắm cọc phân chia phần đất sử dụng ổn định cho đến nay. Điều này, thể hiện ý chí phân chia đất của bà Đỗ Thị L là có thật, đúng thực tế khách quan nên cần được công nhận. Từ đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H, công nhận cho ông Đỗ Văn H được quyền sử dụng 2.325,2m² và ông Đỗ Văn H phải hoàn trả giá trị diện tích chênh lệch 495,2m² cho bà Đỗ Thị L với số tiền 147.074.400 đồng, là có căn cứ.

[3] Bà Đỗ Thị L kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm ngày 21/5/2024, ông Bùi Quang N1, người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Minh T, Trương Minh S đồng ý giao cho ông Đỗ Văn H đúng diện tích 1.830m² theo thỏa thuận và yêu cầu ông H trả lại phần diện tích 495,2m² không đồng ý nhận giá trị, đồng thời ông N1 và anh T yêu cầu đo đạc, định giá lại tài sản tranh chấp.

[3.1] Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, ông Đỗ Văn H và bà Đỗ Thị L không thống nhất vị trí phần đất diện tích 495,2m² giao lại cho bà L. Theo sơ đồ đo đạc ngày 23/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C thể hiện phần diện tích đất bà L yêu cầu giao là 439,7m² (số thứ tự 5) và ông Đỗ Văn H đồng ý giao lại diện tích 366,6m² (số thứ tự 6).

[3.2] Theo chứng thư thẩm định giá ngày 10/8/2024 của Công ty CP giám định, thẩm định S thể hiện:

- Đơn giá đất trồng cây lâu năm là 768.000 đồng/m² và đơn giá đất ở nông thôn là 988.000 đồng/m².

- Trên phần diện tích 439,7m² (số thứ tự 5) có các cây trồng do ông Đỗ Văn H trồng gồm: 12 cây sầu riêng loại B1 trị giá 132.216.000 đồng; 04 cây sầu riêng loại B2 trị giá 16.800.000 đồng; 05 cây sầu riêng loại C trị giá 2.500.000 đồng; 02 cây mít loại D giá 1.138.000 đồng. Tổng cộng là 152.654.000 đồng.

- Trên phần diện tích 366,6m² (số thứ tự 6) có các cây trồng do ông Đỗ Văn H trồng gồm: 03 cây sầu riêng loại B1 trị giá 33.054.000 đồng; 05 cây sầu riêng loại B2 trị giá 21.000.000 đồng và 04 cây sầu riêng loại C trị giá 2.000.000 đồng. Tổng cộng là 56.054.000 đồng.

[3.3] Tại phiên tòa, ông Bùi Quang N1, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Đỗ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Minh T, Trương Minh S và chị Nguyễn Thị Cẩm N, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đỗ Văn H thống nhất thỏa thuận: Ông Đỗ Văn H được quyền sử dụng phần đất diện tích 1.958,6m² và ông đồng ý trả cho bà Đỗ Thị L diện tích 366,6m² (số 6) thuộc thửa 425 theo Bản đồ địa chính khu đất (trích đo) ngày 23/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C; ông H không yêu cầu bà Đỗ Thị L hoàn trả giá trị cây trồng trên phần diện tích đất 366,6m². Đồng thời, ông Đỗ Văn H đồng ý hoàn trả giá trị diện tích chênh lệch 128,6m² (diện tích 1.958,6m² – 1.830m²) cho bà Đỗ Thị L với số tiền 98.764.000 đồng và hoàn trả chi phí tố tụng cho bà L là 9.000.000 đồng.

Xét, việc thỏa thuận giữa ông Bùi Quang N1, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Đỗ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Minh T, Trương Minh S và chị Nguyễn Thị Cẩm N, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đỗ Văn H, là tự nguyện, không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, là có căn cứ

[5] Về án phí: Bà Đỗ Thị L không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 119, 120, 166 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Công nhận sự thỏa thuận của ông Bùi Quang N1, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Đỗ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Minh T, Trương Minh S với chị Nguyễn Thị Cẩm N, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đỗ Văn H tại phiên tòa phúc thẩm.

Sửa bản án sơ thẩm số 269/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

1. Ông Đỗ Văn H được quyền sử dụng phần đất diện tích 1.958,6m² nằm trong thửa đất số 425, tờ bản đồ số 27, diện tích 3.744,2m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02970 ngày 04/6/2007 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Đỗ Thị L, địa chỉ thửa đất tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vị trí, tứ cận:

- + Phía Đông giáp đất còn lại thửa 425 của bà L;
- + Phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị B và đường bê tông;
- + Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị B + Trần Thị H3 + Nguyễn Thị L3;
- + Phía Bắc giáp phần còn lại thửa đất 425 của bà Đỗ Thị L.

(Kèm theo Bản đồ địa chính khu đất (trích đo) ngày 23/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, vị trí số 1 và số 5).

- Ông Đỗ Văn H đồng ý trả cho bà Đỗ Thị L giá trị diện tích đất chênh lệch 128,6m² là 98.764.000 đồng và hoàn trả chi phí tố tụng là 9.000.000 đồng. Tổng cộng là 107.764.000 đồng. (Một trăm lẻ bảy triệu bảy trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người có nghĩa vụ chậm thi hành thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Ông Đỗ Văn H đồng ý trả cho bà Đỗ Thị L phần đất diện tích 366,6m² nằm trong thửa đất số 425, tờ bản đồ số 27, diện tích 3.744,2m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02970 ngày 04/6/2007 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Đỗ Thị L, địa chỉ thửa đất tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vị trí, tứ cận:

- + Phía Đông giáp đất bà Lương Thị T1;
- + Phía Tây giáp phần diện tích 1.958,6m² thuộc thửa 425 giao cho ông H

+ Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị L3;

+ Phía Bắc giáp phần còn lại thửa đất 425 của bà Đỗ Thị L.

(Kèm theo Bản đồ địa chính khu đất (trích đo) ngày 23/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, vị trí số 6).

3. Ghi nhận tự nguyện của ông Đỗ Văn H không yêu cầu bà Đỗ Thị L hoàn trả giá trị cây trồng trên phần diện tích 366,6m² gồm 03 cây sầu riêng loại B1; 05 cây sầu riêng loại B2 và 04 cây sầu riêng loại C.

4. Các đương sự được quyền được liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai.

5. Về án phí: Ông Đỗ Văn H, bà Đỗ Thị L được miễn nộp án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện C;
 - Chi cục THADS huyện C;
 - Các đương sự;
 - Cổng thông tin điện tử;
 - Lưu hồ sơ vụ án.
- DSPT-2024-Tâm

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Tâm